TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỈNH PHÚ THỌ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2018/HS - ST

Ngày11/5/2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Hồng Ngân.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng;**

2. Ông Nguyễn Văn Giao.

***- Thư ký phiên tòa: Bà* Đào Thị Anh Nhinh –** Thư kýTòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Hạnh** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11/5/2018 tại trụ sở TAND huyện Phù Ninh – tỉnh Phú Thọ, TAND huyện Phù Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2018/HSST ngày 03/4/2018 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1996; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT: Khu 4, xã PM, huyện P, tỉnh PT; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông: Nguyễn Văn C; Con bà: Đào Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh PT. Hôm nay, có mặt.

2. Vũ Tiến S; Sinh năm: 1978; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT: Khu 7, xã PM, huyện P, tỉnh PT; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Vũ Tiến D; Con bà: Nguyễn Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thị H; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003); Tiền án,Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh PT. Hôm nay, có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu 4, xã PN, huyện P, tỉnh PT.

2. Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu 9, xã PH, TX PT, tỉnh PT.

3. Chị Nguyễn Thiên H, sinh năm 1984.

Địa chỉa: Khu 8, xã PM, huyện P, tỉnh PT.

Hôm nay, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 09/11/2017, Nguyễn Minh Q gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T hỏi mua 01 gói ma tuý đá với giá 500.000 đồng. T đồng ý và hẹn Q lên khu vực trạm y tế xã PM sẽ có bạn của T đến đưa ma tuý đá cho Q. Q đi bộ ra đường bắt xe ôm lên điểm hẹn thì gặp Nguyễn Thanh Q là bạn của Q đi xe máy qua. Q gọi và nhờ Q đưa đến Trạm y tế xã PM, Q đồng ý. Khi đến nơi Q gọi điện cho T thông báo đã đến, T nói Q đứng chờ. Khoảng 15 phút sau Q gọi điện cho T, T hướng dẫn Q đi qua trường mầm non xã PM sẽ có bạn của T đưa ma tuý cho. Lúc này T đang chơi ở nhà Vũ Tiến S, T đưa cho S 01 gói ma tuý (đá) nói mang ra cổng UBND xã PM bán cho bạn của T với giá 500.000 đồng, đồng thời T đưa cho S 01 chiếc điện thoại di động có gắn sim số 01696395637 và nói gọi vào số đầu tiên lưu trong mục cuộc gọi đi. S đồng ý cầm gói ma tuý (đá) và điện thoại đi bộ ra đường cách nhà S khoảng 200 mét. Khoảng 16h Q lại gọi điện vào máy điện thoại mà T đưa cho S, S nghe và hướng dẫn Q đi đến điểm hẹn gần khu vực nhà S. Gặp nhau S hỏi Q có phải là bạn của T không, Q trả lời là đúng. Q đưa cho S 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng, S cầm tiền rồi đưa lại cho Q 01 gói ma tuý (đá). Cùng lúc đó S và Q bị Công an huyện P bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý: vật chứng thu giữ của Q: 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và hồng, trên miệng túi có khuy bấm bịt kín (Quang khai là ma tuý đá); 01 mảnh giấy bạc có kích thước 2.5cm x 5cm cả hai mặt đều có màu trắng bạc và màu xám đen; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh đen kèm thẻ sim số 0868718114. Thu giữ của S: 01 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Nokia 1110i màu đen trắng kèm thẻ sim số 01696395637. Tạm giữ của Q: 01 xe môtô Suzuki Viva màu xanh BKS 17N3-3302.

Nguồn gốc số ma tuý trên S khai là của Nguyễn Văn T đưa để bán cho Q. Căn cứ lời khai của S, cùng ngày Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Ninh đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn T về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý. Quá trình thi hành lệnh bắt, thu giữ của T: tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.250.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen kèm thẻ sim số 01677170224; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T số 132338003 do Công an tỉnh PT cấp ngày 21/10/2013; 01 túi nilon nhỏ màu trắng trong, miệng túi có khuy bấm bịt kín, bên trong có chứa chất rắn tinh thể màu trắng và chất bột màu hồng; 01 gói giấy bạc màu trắng bạc bên trong có 01 viên nén hình tròn màu hồng, một mặt viên nén có dập chữ WY; 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Wave Anpha BKS 19P1 -235.90.

Cũng cùng ngày 09/11/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện P đã ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật đối với Vũ Tiến S. Quá trình khám xét thu giữ: 01 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Tiến S số 131209917 do công an tỉnh PT cấp ngày 28/4/2012; 02 túi nilon nhỏ màu trắng trong, phía trên miệng túi có rãnh bấm bịt kín, có kích thước lần lượt là 1,9cm x 3cm và 2cm x 2,5cm; 02 mảnh giấy bạc, một mặt có bám muội đen có kích thước là 13cm x 2,4cm và 14,5cm x 2,4cm; 01 bật lửa ga màu đen.

Ngày 10/11/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện P ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật đối với Nguyễn Văn T, quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngày 10/11/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện P đã ra quyết định trưng cầu giám định số vật chứng thu giữ của Q và T.

Tại bản kết luận giám định số 2012/KLGĐ ngày 10/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh PT kết luận: Mẫu vật gửi đến giám định là chất rắn dạng tinh thể màu trắng và màu hồng (thu giữ của Nguyễn Minh Q), có trọng lượng (khối lượng) là 0,111gam; chất rắn dạng tinh thể màu trắng và chất bột màu hồng, 01 viên nén hình tròn màu hồng một mặt có chữ WY (thu giữ của Nguyễn Văn T), có trọng lượng (khối lượng) lần lượt là 0,167 gam và 0,093 gam, đều là **Methamphetamine**.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra xác định T còn bán ma tuý cho S 01 lần, bán cho Q 01 lần nữa, cụ thể:

+ Vào buổi trưa cách ngày bị bắt khoảng 02 ngày, S gọi điện thoại cho T hỏi mua 01 gói ma tuý đá với giá 500.000 đồng. T đồng ý và nói S đến nhà T. T lấy gói ma tuý đá ra trích lại một ít rồi gói lại. S đi xe máy đến nhà Tuấn, gặp nhau S đưa cho T 500.000 đồng, T cầm tiền và đưa lại cho S 01 gói ma tuý (đá). Sau khi mua được ma tuý (đá), S đi về nhà và sử dụng hết. T lấy phần ma tuý trích lại trước đó cũng sử dụng một mình hết.

+ Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 08/11/2017, Q gọi điện thoại cho T hỏi mua 01 gói ma tuý đá với giá 500.000 đồng. T đồng ý và hẹn Q ra khu vực gần Trường THPT T Đ thuộc xã TĐ - huyện P. Lúc này Q đang đi chơi cùng Q nên khoảng 01 giờ ngày 09/11/2017 Q nhờ Q đèo đến khu vực Trường THPT TĐ. Đến khoảng 02 giờ thì Q và Q gặp T. Tại đây, Q đưa cho T 500.000 đồng, Tuấn cầm tiền và đưa lại cho Q 01 gói ma tuý. Sau đó Q đưa Q về nhà Q, rồi Q cũng đi về nhà mình ngủ. Q về đến nhà đã lấy số ma tuý vừa mua được sử dụng hết. T sau khi bán ma tuý cho Q xong cũng đi xe máy đến nhà S ngủ nhờ.

Tại Cơ quan điều tra T và S còn khai nhận: T và S thỏa thuận, nếu S có bạn hỏi mua ma tuý thì S sẽ lấy ma tuý (đá) của T đem đi bán, và nếu T có bạn hỏi mua ma tuý thì T sẽ đưa ma tuý cho S mang đi bán, sau đó S mang tiền về cho T và T sẽ cho S sử dụng ma tuý (đá) cùng. T và S đã cùng nhau bán ma tuý cho Q 01 lần, bán cho H 01 lần, bán cho B 01 lần, cụ thể:

+ Cách ngày bị bắt khoảng 04 ngày, vào khoảng 9 giờ 30 phút, H ở xã LM - P gọi điện thoại cho S nhờ mua ma tuý đá. S đồng ý và gọi điện cho T nói cầm 02 gói ma tuý đá đưa cho S để S đem đi bán. T đồng ý và cầm 02 gói ma tuý đá đi đến nhà S, nói giá 500.000 đồng/01 gói. S cầm 02 gói ma tuý và gọi điện cho H hẹn lên xã PM để giao dịch. Sau đó S đi xe máy về xã LM và gặp H trên đường đê S L. Tại đây H đưa cho S 500.000 đồng và nợ lại 500.000 đồng. S đồng ý cầm tiền và đưa cho H 02 gói ma tuý (đá). Sau đó S đi về đưa tiền cho T và nói H nợ 500.000 đồng. Ngày hôm sau H trả nốt số tiền còn nợ, S đã đưa lại cho T.

+ Cùng ngày hôm đó, vào khoảng 20 giờ, B nhà ở xã TT - huyện P gọi điện thoại cho T hỏi mua 01 gói ma tuý đá nhưng xin nợ tiền. T đồng ý và bảo B đi qua trạm y tế xã PM khoảng 01 km sẽ có người đón và đưa ma tuý cho. Sau đó T cầm 01 gói ma tuý đi đến nhà S. Khi đến nhà S, T lấy một ít ma tuý từ gói ma tuý đem theo cùng S sử dụng. Khoảng 23 giờ cùng ngày B gọi điện cho T nói đã đến. T đưa gói ma tuý cho S nói mang ra cổng đưa cho B. S đồng ý.

+ Khoảng 08 giờ ngày 09/11/2017, Q gọi điện thoại cho T hỏi mua 01 gói ma tuý đá với giá 500.000 đồng. T đồng ý hẹn Q đi đến khu vực cổng trạm y tế xã PM - huyện P. Q một mình đi xe máy đến chỗ hẹn rồi gọi điện cho T. T bảo Q đứng chờ sẽ có người mang ma túy đưa cho Q. Lúc này Tuấn đang chơi ở nhà S nên T đưa cho S 01 gói ma túy (đá) nói đem bán cho Q. S cầm gói ma túy T đưa đi ra gặp Q. Gặp nhau Q đưa cho S 500.000 đồng, S cầm tiền và đưa lại cho Q 01 gói ma túy. Sau đó S cầm tiền về đưa lại cho T, rồi T lấy ma túy (đá) ra cùng sử dụng với S.

Về nguồn gốc ma túy T khai nhận:

+ Số ma túy đá và viên hồng phiến mà cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình bắt khẩn cấp đối với T: Cách ngày T bị bắt khoảng 01 tháng, T xuống bến đò ĐB - thành phố VT để tìm mua ma túy (đá) thì gặp một người nam giới (T không rõ tên, tuổi, địa chỉ), T hỏi mua của người này 01 gói ma túy với giá 1.000.000 đồng. Sau khi mua về T một mình sử dụng một phần, cùng với S sử dụng 03 lần vào ngày 09/11/2017, còn lại một phần T vẫn gói lại cất trên người cho đến khi bị bắt. Còn về viên hồng phiến, cách ngày bị bắt khoảng 06 tháng, T đi chơi ở thành phố HP và mua của một người nam giới (T cũng không biết tên, tuổi, địa chỉ) 07 viên hồng phiến với giá 50.000 đồng /01 viên, tổng là 350.000 đồng. T mua về sử dụng đến ngày 08/11/2017 thì còn lại 02 viên. T lấy 01 viên nghiền nát rồi trộn lẫn vào gói ma túy đá để bán, còn lại 01 viên T gói lại và cất ở trên người.

+ Cách ngày bị bắt khoảng 05 ngày, T bắt xe khách đến khu vực gần bến xe Cầu R - thành phố H P chơi. Tại đây Tuấn gặp M (T chỉ biết tên không biết địa chỉ), T ở lại chơi cùng M. Tối hôm đó T sử dụng ma túy đá cùng M tại nhà bạn của M. Sau đó M cho T 01 túi nilon nhỏ màu trắng bên trong là ma túy đá. Về đến nhà T chia gói ma túy này ra làm 06 phần, T lấy 04 phần ma túy cho vào 04 túi ni lon nhỏ được 04 gói ma túy, 02 phần còn lại T cho vào túi nilon to hơn. 04 gói ma túy nhỏ hơn T đã bán cho Q 03 gói, bán cho 01 gói. Gói ma túy to hơn còn lại T lại chia thành 03 gói nhỏ hơn. T đưa cho S 02 gói để S bán cho H ở xã LM, bán

cho S 01 gói như ở trên. Toàn bộ số ma túy trên T mua, xin nhằm mục đích sử dụng và để bán.

Lời khai của Vũ Tiến S (BL 139 -153, 165-187), Nguyễn Văn T (BL 154-164, 188-212) phù hợp với lời khai của Nguyễn Minh Q (BL 93- 98), lời khai của Nguyễn Thanh Q (BL 99-105), biên bản đối chất giữa Nguyễn Quang M với Nguyễn Văn T, biên bản đối chất giữa Vũ Tiến S với Nguyễn Văn T (BL 131 - 138); phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01-07), phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 23/CT - VKS ngày 02/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh đã truy tố Nguyễn Văn T và Vũ Tiến S về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi phát biểu quan điểm luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Vũ Tiến S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 điều 194 BLHS năm 1999, điểm s khoản 1 điều 51 BKHS năm 2015 (đối với T) ; điểm s, x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với S) phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 năm tù giam đến 09 năm tù giam.

Bị cáo Vũ Tiến S từ 07 năm tù giam đến 08 năm tù giam.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2017.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, trú tại khu 4 xã PM, huyện P, đã nhiều lần mua, xin ma túy, nhằm mục đích để sử dụng và bán. Khoảng 16 giờ ngày 09/11/2017, tại khu 7, xã PM, huyện P, tỉnh PT, Vũ Tiến S, sinh năm 1978, trú tại khu 7, xã PM, huyện P, tỉnh Ph đã cùng với Nguyễn Văn T có hành vi bán trái phép cho Nguyễn Minh Q, sinh năm 1999, trú tại khu 4, xã PN, huyện P, tỉnh PT 01 gói ma túy (đá) có trọng lượng (khối lượng) 0,111 gam với giá 500.000đồng thì bị bắt quả tang thu toàn bộ vật chứng. Cũng trong ngày 09/11/2017 T và S còn cùng nhau bán trái phép ma túy (đá) cho Q 02 lần nữa với tổng số tiền là 1.000.000 đồng.

Ngoài hành vi bán trái phép cho Q, T còn có 01 lần bán trái phép 01 gói ma túy (đá) cho Vũ Tiến S với giá 500.000 đồng.

[2] Hành vi mua bán trái phép ma túy (đá) của Nguyễn Văn T và Vũ Tiến S đã bị VKS Nhân dân huyện Phù Ninh truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma

túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 194 BLHS năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Mặc dù hành vi phạm tội của các bị cáo tính đến thời điểm truy tố thì BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành và mức hình phạt quy định tại khoản 2 điều 251 BLHS năm 2015 và khoản 2 điều 194 BLHS năm 1999 là như nhau. Tuy nhiên, do hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/1/2018 nên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 VKS nhân dân huyện Phù Ninh truy tố các bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 194 BLHS năm 1999 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, cũng từ hành vi ấy đã làm suy kiệt kinh tế của nhiều gia đình và làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó, hành vi mua bán trái phép trái phép chất ma túy của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo:

Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét và cho các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng đối với bị cáo Vũ Tiến S do bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng các Huân, huy chương nên HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015.

[6] Đánh giá về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đối với Nguyễn Văn T: T vừa là người trực tiếp đi xin, mua ma túy về với mục đích để bán và sử dụng cho bản thân vừa là người trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng nghiện. Toàn bộ số ma túy mà T, S bán cho Q và những người khác đều là của T. Do đó, T có vai trò tích cực nhất trong việc thực hiện tội phạm. Vì vậy, khi quyết định hình phạt HĐXX cần cân nhắc để cho bị cáo một hình phạt thật nghiêm khắc tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cũng để đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo.

Đối với bị cáo Vũ Tiến S: Sỹ là người trực tiếp mang ma túy đi bán cho các đối tượng nghiện đồng thời bản thân S cũng là người trực tiếp mua ma túy của T để sử dụng. Mặc dù toàn bộ số ma túy mà S mang bán đều là do T đưa nhưng trong tổng số 04 lần T và S bán ma túy mà Cơ quan điều tra làm rõ thì có 2 lần S trực tiếp bán cho Q và 01 lần S trực tiếp mua ma túy của T. Đồng thời sau khi bán ma túy cho T, S được Tcho hưởng lợi là được sử dụng ma túy cùng. Do đó, S cũng

được xác định là có vai trò tích cực khi thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX sẽ xem xét để cho bị cáo mức hình phạt phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi hành phạm tội của bị cáo.

[7] Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên và xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có cơ hội nhận thức được hành vi phạm tội của mình và sửa chữa những sai lầm của bản thân.

[8] Về nguồn gốc số ma túy bị cáo T khai nhận: Đối với số ma túy đá và viên hồng phiến mà cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình bắt khẩn cấp đối với T: Cách ngày Tuấn bị bắt khoảng 01 tháng, Tuấn xuống bến đò ĐB - thành phố VT để tìm mua ma túy (đá) thì gặp một người nam giới (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) T hỏi mua của người này 01 gói ma túy với giá 1.000.000 đồng. Sau khi mua về T một mình sử dụng một phần, cùng với S sử dụng 03 lần vào ngày 09/11/2017, còn lại một phần T vẫn gói lại cất trên người cho đến khi bị bắt. Còn về viên hồng phiến, cách ngày bị bắt khoảng 06 tháng, T đi chơi ở thành phố HP và mua của một người nam giới (không biết tên, tuổi, địa chỉ) 07 viên hồng phiến với giá 50.000 đồng /01 viên, tổng là 350.000 đồng. T mua về sử dụng đến ngày 08/11/2017 thì còn lại 02 viên. T lấy 01 viên nghiền nát rồi trộn lẫn vào gói ma túy đá để bán, còn lại 01 viên T gói lại và cất ở trên người.

Đối với số ma túy bán cho Q, S, H và B: Cách ngày bị bắt khoảng 05 ngày, T bắt xe khách đến khu vực gần bến xe Cầu R - thành phố HP chơi. Tại đây T gặp M (T chỉ biết tên không biết địa chỉ), T ở lại chơi cùng M. Tối hôm đó T sử dụng ma túy đá cùng M tại nhà bạn của M. Sau đó M cho T 01 túi nilon nhỏ màu trắng bên trong là ma túy đá. Về đến nhà T chia gói ma túy này ra làm 06 phần, T lấy 04 phần ma túy cho vào 04 túi ni lon nhỏ được 04 gói ma túy, 02 phần còn lại T cho vào túi nilon to hơn. 04 gói ma túy nhỏ hơn T đã bán cho Q 03 gói, bán cho B 01 gói. Gói ma túy to hơn còn lại T lại chia thành 03 gói nhỏ hơn. T đưa cho S 02 gói để S bán cho H ở xã LM, bán cho S 01 gói như ở trên. Toàn bộ số ma túy trên T mua, xin nhằm mục đích sử dụng và để bán.

[9] Đối với người nam giới tên là H và B là người đã mua ma túy (đá) của S và T nhưng T và S không biết họ tên đầy đủ, địa chỉ cụ thể của hai người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ xét thấy là phù hợp.

[10] Đối với người nam giới T mua ma túy (đá) ở bến đò ĐB - thành phố VT; người nam giới Tuấn mua hồng phiến ở thành phố HP và người nam giới tên M ở gần bến xe Cầu R - thành phố HP đã cho T gói ma túy đá, do T không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Ninh cũng không có căn cứ xác minh làm rõ xét thấy là có căn cứ.

[11] Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,111gam ma túy (đá) của Nguyễn Minh Q; hành vi tàng trữ 0,26 gam Methamphetamine và sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T; hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Vũ Tiến S do chưa đủ lượng và chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q, T và S về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên Công an huyện Phù Ninh ra

quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q, T và S theo quy định tại điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là đúng quy định.

[12] Đối với Nguyễn Thanh Q là người chở Q đi mua ma túy đá của T và S vào ngày 09/11/2017 nhưng Q không biết việc Q đi mua ma túy và cũng không được hưởng lợi gì từ việc này nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý xét thấy là phù hợp.

[13] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu xanh đen của Q, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Q là phù hợp.

- Đối với chiếc xe môtô Suzuki Viva màu xanh BKS 17N3-3302 của anh Nguyễn Thanh Q: Quá trình điều tra đã xác định chiếc xe này không liên quan đến vụ án và qua tra cứu tại Phòng PC54 Công an tỉnh Phú Thọ cũng xác định chiếc xe môtô trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Vì vậy Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Thanh Q là phù hợp.

- Đối với chiếc xe môtô Wave α BKS 19P1-235.90 Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T vào ngày 09/11/2071. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này là của chị Nguyễn Thiên H, sinh năm 1984, trú tại khu 8, xã PM, huyện P, tỉnh PT do bị cáo mượn để đi lại. Việc bị cáo sử dụng chiếc xe trên để đi bán ma túy chị H không biết. Vì vậy Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe môtô trên cho chị H nên cần xác nhận.

- Đối với 02 bì niêm phong số 2012 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ bên trong là mẫu vật trả lại sau giám định; 02 túi nilon màu trắng trong; 01 mảnh giấy bạc có cả hai mặt đều có màu trắng bạc và màu xám đen; 02 mảnh giấy bạc, một mặt có bám muội màu đen;01 bật lửa ga màu đen là vật chứng của vụ án và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1110i màu đen trắng (thu giữ của S): Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay cả T và S đều thừa nhận sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với Q và những đối tượng khác trong việc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen (thu giữ của T): trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay T khai là để sử dụng trong việc liên lạc hàng ngày không liên quan đến việc mua bán ma túy nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T số 132338003 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 21/10/2013; 01 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Tiến S số 131209917 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/4/2012 là giấy tờ tùy thân của T và S nên cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với số tiền 2.750.000 đồng: Trong tổng số tiền này có 500.000 đồng là tiền mà bị cáo S vừa bán ma túy cho Q bị bắt quả tang và 1.000.000 đồng là tiền do bị cáo T bán ma túy cho Q hai lần vào ngày 09/11/2017. Do đây là tiền do

phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền 1.250.000 đồng còn lại là tiền của bị cáo T do bị cáo lao động mà có không liên quan đến việc mua bán ma túy nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 500.000 đồng mà bị cáo T đã bán ma túy cho S và số tiền 1.000.000 đồng bị cáo S bán ma túy cho H (S đã đưa lại cho T), bị cáo khai đã sử dụng hết nên cần truy thu để sung quỹ Nhà nước.

[14] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản đối với các bị cáo của Cơ quan điều tra đã xác định các bị cáo không có tài sản gì riêng, do đó Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[15] Trong quá trình điều tra vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Tất cả các Quyết định tố tụng trong vụ án đều được lập, giao nhận cho những người tham gia tố tụng theo đúng trình tự mà pháp luật quy định.

[16] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Vũ Tiến S đều phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 194 năm 1999; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn Văn T: 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2017.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 194 năm 1999; điểm s, x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Vũ Tiến S: 07 (bảy) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2017.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1, 2 điều 47 BLHS năm 2015; khoản 2 điều 106; khoản 2 điều 136, khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

*** Về xử lý vật chứng:** ***Tịch thu tiêu hủy:***

- 02 bì niêm phong số 2012 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ bên trong là mẫu vật trả lại sau giám định;

- 02 túi nilon màu trắng trong, phía trên miệng túi có rãnh bấm bịt kín, kích thước lần lượt là 1,9cm x3 cm và 2cm x 2,5cm;

- 01 mảnh giấy bạc có kích thước 2,5cm x 5cm cả hai mặt đều có màu trắng bạc và màu xám đen;

- 02 mảnh giấy bạc, một mặt có bám muội màu đen kính thước lần lượt là 13cm x 2,4cm và 14,5cm x 2,4cm;

- 01 bật lửa ga màu đen .

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Nokia 1110i màu đen trắng có số IMEL 352289014034287 gắn kèm thẻ sim số 01696395637 (Thu giữ của bị cáo S);

- 1.500.000 đồng (một triệu năm năm nghìn đồng) trong đó có 500.000 đồng thu giữ của bị cáo S và 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo T.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); 01 CMND số 132338003 mang tên Nguyễn Văn T do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 21/10/2013 và 01 (một) chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen kèm thẻ sim số 01677170224. Tạm giữ số tiền 1.250.000 đồng và chiếc điện thoại di động Nokia 105 để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Vũ Tiến S : 01 (một) CMND số 131209917 mang tên Vũ Tiến S do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/4/2012.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/4/2018)

Truy thu của bị cáo T số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Ninh đã trả lại các tài sản cho:

- Anh Nguyễn Minh Q: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen loại 105 có số IMEL 358610060823535 kèm thẻ sim số 0868.718.114;

- Anh Nguyễn Thanh Q: 01 (một) chiếc xe máy SUZUKI VIVA màu xanh BKS 17N3 – 3302, số khung RLSBE4AB030106362, số máy E438VN106362;

- Chị Nguyễn Thiên H 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAVE anpha BKS 19P1 – 235.90.

(Theo các Biên bản về việc trả lại tài sản các ngày 27/11/2017; 01/3/2018).

*** Về án phí**: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh, huyện;
- CA huyện;
- THA; sở T- Pháp;
- Bị cáo;
- UBND xã PM;
- L- u: HS- VP (10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Hồng Ngân